

TRƯỜNG ĐH KHXH&NV
KHOA/BỘ MÔN: VH&NN, Hán Nôm

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: TIẾNG HÁN HIỆN ĐẠI 6

tên tiếng Anh/tiếng khác (nếu có): **Modern Chinese 6**

- Mã môn học:

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

2. Số tín chỉ: 2 (thực hành)

3. Trình độ (dành cho sinh viên năm thứ 3, học kỳ 6 thuộc chuyên ngành Hán Nôm)

4. Phân bố thời gian: 60 tiết (1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành)

- Lý thuyết: tiết

- Thực hành: 60 tiết

- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: tiết

- Các hoạt động khác: Nghe nhìn, chơi trò chơi liên quan đến việc vận dụng nghe nói các từ tiếng Hoa.

- Tự học: 120 tiết

5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Tiếng Hán hiện đại 1,2,3,4,5

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: giao tiếp

6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

Học phần gồm các bài giảng, xoáy sâu vào các kỹ năng quan trọng trong quá trình đọc hiểu, nghe viết, cũng như khả năng linh hoạt trong việc vận dụng ngữ pháp vào quá trình nói trên.

7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Môn học giúp sinh viên nâng cao trình độ Trung văn, tự tin, chủ động trong giao tiếp tiếng Trung. Trang bị kiến thức cho sinh viên thi lấy chứng chỉ B tiếng Trung (điều kiện bắt buộc sinh viên học chuyên ngành Hán Nôm phải đạt được trước khi tốt nghiệp).

Thực tập khả năng đọc hiểu, nghe viết, đồng thời trang bị cho sinh viên lượng kiến thức cơ bản, có hệ thống về ngữ pháp tiếng Hán hiện đại. Thi đạt trình độ B chứng chỉ quốc gia.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Nhớ viết, hiểu từ vựng và vận dụng tự tin, chủ động trong giao tiếp tiếng Trung.

8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
	Nhớ hiểu khoảng 1000 từ tiếng Hán Nhớ viết, hiểu từ vựng và vận dụng tự tin, chủ động trong giao tiếp tiếng Trung.	- GV và SV cùng tham gia hoạt động thuyết trình và thực hành nói. - Nghe nhìn, chơi trò chơi liên quan đến việc vận dụng nghe nói các từ tiếng Hoa.	- Kỹ năng nghe và nói cơ bản - Thái độ tham gia các hoạt động dạy học trong lớp - Kiểm tra nói giữa kỳ

***Ghi chú:**

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành

- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
	Nhớ hiểu khoảng 1000 từ tiếng Hán cơ bản Nhớ viết, hiểu từ vựng và vận dụng tự tin, chủ động trong giao tiếp tiếng Trung.	- GV và SV cùng tham gia hoạt động thuyết trình và thực hành nói. - Nghe nhìn, chơi trò chơi liên quan đến việc vận dụng nghe nói các từ tiếng Hoa.	- Kỹ năng nghe và nói cơ bản - Thái độ tham gia các hoạt động dạy học trong lớp	K2,4	KN1,3,4	TĐ 3,4

9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính:

1. Lư Phúc Ba (1996), *Đối ngoại Hán ngữ giáo học thực dụng ngữ pháp* 《对外汉语教学实用语法》, Đại học Ngôn ngữ Văn hoá Bắc Kinh.
2. Đại học Ngôn ngữ và Văn hoá Bắc Kinh (1999), *Ngữ pháp tiếng Hoa hiện đại*, Phan Bình, Lưu Hi Minh, Điền Thiện Kế dịch Nxb. Trẻ, Tp. HCM
3. Trần Phương Thảo, Trương Văn Giới (2002), *Ngữ pháp tiếng Hán hiện đại*, Nxb. ĐHQG-HCM.

- Tài liệu tham khảo/bổ sung :

4. Nhóm tác giả Đại học Bắc Kinh (1997), *Giáo trình đọc hiểu trung cấp* 《中级汉语教程》, Đại học Bắc Kinh.
5. Đại học Bắc Kinh biên soạn, Nguyễn Thiện Chí và Trần Xuân Ngọc Lan dịch (1996), *Giáo trình Tiếng Hoa trung cấp*, tập 1, 2 NXB Trẻ.
6. Trần Văn Chánh (2000), *Từ điển Hán Việt*, Nxb. Trẻ, Tp. HCM.
7. Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục (2004), *Từ điển Hán Việt*, Nxb. Khoa học Xã hội, Tp. HCM.
8. Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục (2004), *Nghe kể chuyện – học thành ngữ*, Nxb. Tổng hợp TP. HCM.
9. Băng cassette, đĩa CD, VCD, DVD kèm theo giáo trình, bài hát, báo, *Tạp chí Hoa ngữ*.

- Trang Web/CDs tham khảo: Các file, CD luyện nghe kèm theo giáo trình

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
- Từng buổi học	- Chuyên cần	20 %	Điểm giữa kỳ	30%
- Giữa kỳ	- Tham gia các hoạt động học tập	30 %		
	- Kiểm tra giữa kỳ	50 %		
		100%		
Cuối kỳ	- Thi cuối kỳ (thi viết)	100 %	Điểm cuối kỳ	70%
		100%		
				100% (10/10)

Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

- Xếp loại đánh giá (GV tự xây dựng):

<5 điểm: không đạt

5-6 điểm: trung bình

6-<8 điểm: khá

8 - <9 điểm: giỏi

>9 điểm: xuất sắc

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm (GV tự xây dựng)

- Hướng dẫn về rubrics chấm điểm (GV tự xây dựng tùy đặc thù môn học/ngành học)

11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

11.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định

- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp

- Tham gia các hoạt động học tập trên lớp

11.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ
- Giữa kỳ, cuối kỳ thi viết

11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)

-

12. Nội dung chi tiết môn học:

Chương I: Động từ

- 1.1. Câu tồn tại
- 1.2. Đặc điểm của câu vị ngữ động từ và vấn đề trùng điệp của động từ.

Chương II: Hình dung từ

- 2.1. Đặc điểm của câu vị ngữ hình dung từ và vấn đề trùng điệp tính từ.
- 2.2. Điều kiện tu sức và bổ sung của hình dung từ.
- 2.3. Câu so sánh.

Chương III: Số từ và lượng từ

- 3.1. Số từ
- 3.2. Lượng từ
- 3.3. Từ tổ lượng từ, trùng điệp số lượng từ và phương thức biểu đạt thời gian.

Chương IV: Danh từ và Đại từ

- 4.1. Danh từ
- 4.2. Đại từ

Chương V: Phó từ

Chương VI: Giới từ

Chương VII: Trợ từ

Chương VIII: Tu sức ngữ

- 8.1. Định ngữ
- 8.2. Trạng ngữ

Chương IX: Bổ sung ngữ

- 9.1. Bổ ngữ kết quả, xu hướng
- 9.2. Bổ ngữ trình độ, số lượng.
- 9.3. Bổ ngữ khả năng và bổ ngữ do giới từ đảm nhiệm.

Chương X: Cú pháp

- 10.1. Câu đặc biệt
- 10.2. Phân loại câu
- 10.3. Câu ghép

13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Buổi/ Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
1	5	Phần ngữ pháp: Chương I: Động từ 1.1. Câu tồn tại 1.2. Đặc điểm của câu vị ngữ động từ và vấn đề trùng điệp của động từ.	Đọc trước chương I thuộc Lư Phúc Ba (1996), <i>Đối ngoại Hán ngữ giáo học thực dụng ngữ pháp</i> 《对外汉语教学实用语法》, Đại học Ngôn ngữ Văn hoá Bắc Kinh,	Lư Phúc Ba (1996), <i>Đối ngoại Hán ngữ giáo học thực dụng ngữ pháp</i> 《对外汉语教学实用语法》, Đại học Ngôn ngữ Văn hoá Bắc Kinh

			ghi ra những chỗ thắc mắc cần được giải đáp.	
2	5	Chương II: Hình dung từ 2.1. Đặc điểm của câu vị ngữ hình dung từ và vấn đề trùng điệp tính từ. 2.2. Điều kiện tu sức và bổ sung của hình dung từ.	Ôn tập chương I, đọc trước chương II.	Lư Phúc Ba (1996), <i>Đối ngoại Hán ngữ giáo học thực dụng ngữ pháp</i> 《对外汉语教学实用语法》, Đại học Ngôn ngữ Văn hoá Bắc Kinh
3	5	Chương II: Hình dung từ 2.3. Câu so sánh.	Ôn tập và xem trước tiết 3.3 thuộc chương II.	Lư Phúc Ba (1996), <i>Đối ngoại Hán ngữ giáo học thực dụng ngữ pháp</i> 《对外汉语教学实用语法》, Đại học Ngôn ngữ Văn hoá Bắc Kinh
4	5	Chương III: Số từ và lượng từ 3.1. Số từ 3.2. Lượng từ 3.3. Từ tổ lượng từ, trùng điệp số lượng từ và phương thức biểu đạt thời gian.	Ôn tập và chuẩn bị trước tiết 3.1. và 3.2. thuộc chương III.	Lư Phúc Ba (1996), <i>Đối ngoại Hán ngữ giáo học thực dụng ngữ pháp</i> 《对外汉语教学实用语法》, Đại học Ngôn ngữ Văn hoá Bắc Kinh
5	5	Chương III: Số từ và lượng từ 3.3. Từ tổ lượng từ, trùng điệp số lượng từ và phương thức biểu đạt thời gian.	Ôn tập và chuẩn bị trước tiết 3.3 thuộc chương III	Lư Phúc Ba (1996), <i>Đối ngoại Hán ngữ giáo học thực dụng ngữ pháp</i> 《对外汉语教学实用语法》, Đại học Ngôn ngữ Văn hoá Bắc Kinh
6	5	Chương IV: Danh từ và Đại từ 4.1. Danh từ 4.2. Đại từ	Ôn tập và chuẩn bị trước tiết 4.1. và 4.2 thuộc chương IV.	Lư Phúc Ba (1996), <i>Đối ngoại Hán ngữ giáo học thực dụng ngữ pháp</i> 《对外汉语教学实用语法》, Đại học Ngôn ngữ Văn hoá Bắc Kinh
7	5	Chương V: Phó từ	Ôn tập và chuẩn bị trước nội dung chương V.	Lư Phúc Ba (1996), <i>Đối ngoại Hán ngữ giáo học thực dụng ngữ pháp</i> 《对外汉语教学实用语法》, Đại học Ngôn ngữ Văn hoá Bắc Kinh
8	5	Chương VI: Giới từ	Ôn tập và chuẩn bị trước nội dung chương VI.	Lư Phúc Ba (1996), <i>Đối ngoại Hán ngữ giáo học thực dụng ngữ pháp</i> 《对外汉语教学实用语法》, Đại học Ngôn ngữ Văn hoá Bắc Kinh
9	5	Chương VII: Trợ từ	Ôn tập và chuẩn bị trước nội dung chương VII.	Lư Phúc Ba (1996), <i>Đối ngoại Hán ngữ giáo học thực dụng ngữ pháp</i> 《对外汉语教学实用语法》, Đại học Ngôn ngữ Văn hoá Bắc Kinh

				<i>pháp</i> 《对外汉语教学实用语法》, Đại học Ngôn ngữ Văn hoá Bắc Kinh
10	5	Chương VIII: Tu sức ngữ 8.1. Định ngữ 8.2. Trạng ngữ	Ôn tập và chuẩn bị trước nội dung chương VIII.	Lư Phúc Ba (1996), <i>Đối ngoại Hán ngữ giáo học thực dụng ngữ pháp</i> 《对外汉语教学实用语法》, Đại học Ngôn ngữ Văn hoá Bắc Kinh
11	5	Chương IX: Bổ sung ngữ 9.1. Bổ ngữ kết quả, xu hướng 9.2. Bổ ngữ trình độ, số lượng. 9.3. Bổ ngữ khả năng và bổ ngữ do giới từ đảm nhiệm.	Ôn tập và chuẩn bị trước nội dung chương IX.	Lư Phúc Ba (1996), <i>Đối ngoại Hán ngữ giáo học thực dụng ngữ pháp</i> 《对外汉语教学实用语法》, Đại học Ngôn ngữ Văn hoá Bắc Kinh
12	5	Chương X: Cú pháp 10.1. Câu đặc biệt 10.2. Phân loại câu 10.3. Câu ghép Hệ thống lại toàn bộ khối kiến thức đã truyền thụ cho sinh viên.	Ôn tập và chuẩn bị trước nội dung các tiết thuộc chương X.	Lư Phúc Ba (1996), <i>Đối ngoại Hán ngữ giáo học thực dụng ngữ pháp</i> 《对外汉语教学实用语法》, Đại học Ngôn ngữ Văn hoá Bắc Kinh

TP. Hồ Chí Minh, ngày... tháng...năm

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

PGS.TS. LÊ GIANG

TS. LÊ QUANG TRƯỜNG

TS. NGUYỄN ĐÌNH PHÚC

*** Ghi chú tổng quát:**

Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):

Giảng viên phụ trách môn học (có thể dùng bảng hoặc không)

Họ và tên: NGUYỄN ĐÌNH PHÚC	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn Tp.HCM	Điện thoại liên hệ:
Email: dinhphuc74@hotmail.com	Trang web:

Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:	(nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)
-------------------------------	---------------------------------------------------------------------

Nơi tiến hành môn học:	(Tên cơ sở, số phòng học)
Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)